

Số: 110/QĐ-THPTNK

Vĩnh Bảo, ngày 29 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc biên chế các khối lớp năm học 2024-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

Căn cứ Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT, ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và phổ thông nhiều cấp học;

Căn cứ công văn số 2774/SGDĐT-TrH, ngày 16/8/2024 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về thực hiện nhiệm vụ giáo dục trung học năm học 2024-2025;

Căn cứ chỉ tiêu giao tuyển sinh vào lớp 10 năm học 2024-2025 và số lớp hiện tại thuộc các khối 11, 12;

Căn cứ vào Phương án biên chế lớp 10 năm học 2024-2025 và năng lực, sở trường, nguyện vọng của học sinh;

Căn cứ vào đặc điểm và tình hình thực tiễn của nhà trường và nội dung Kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Theo đề nghị của Ban chuyên môn trường THPT Nguyễn Khuyến.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Biên chế học sinh các khối lớp năm học 2024-2025, toàn trường được biên chế thành 31 lớp, gồm có: Khối 10 chia thành 10 lớp; Khối 11 chia thành 10 lớp; Khối 12 chia thành 10 lớp (Có danh sách số lượng học sinh kèm theo);

Điều 2. Các khối lớp được biên chế đảm bảo sĩ số cân đối, hợp lý và đáp ứng được mặt bằng chung về năng lực, nguyện vọng và mục tiêu giảng dạy cho từng đối tượng học sinh;

Điều 3. Giao cho giáo viên chủ nhiệm các lớp ổn định công tác tổ chức và quản lý lớp theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định trong điều lệ và Kế hoạch giáo dục của nhà trường;

Điều 4. Các bộ phận có liên quan, các ông (bà) giáo viên chủ nhiệm và học sinh có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Các PHT (để thực hiện);
- Như điều 4 (để thực hiện);
- Đăng Website;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Huy Hùng

DANH SÁCH
BIÊN CHẾ HỌC SINH CÁC KHỐI LỚP NĂM HỌC 2024-2025
(Kèm theo Quyết định số 110/QĐ/THPTNK ngày 29 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Khuyến)

STT	Lớp	Sĩ số	Giáo viên chủ nhiệm	Ghi chú
1	10C1	45	Trần Văn Chung	
2	10C2	45	Phạm Thị Xuyến	
3	10C3	44	Tạ Thị Nhân	
4	10C4	45	Vũ Văn Thắng	
5	10C5	46	Nguyễn Thị Nhung	
6	10C6	45	Trần Thị Huế	
7	10C7	46	Hoàng Roãn Tuấn	
8	10C8	48	Trần Thị Ngoan	
9	10C9	48	Lê Thị Quyên	
10	10C10	42	Vũ Thành Trung	
11	11B1	47	Phạm Thị Liên	
12	11B2	45	Đào Thị Nhung	
13	11B3	44	Nguyễn Thị Bình	
14	11B4	50	Cao Thị Giang	
15	11B5	51	Vũ Thị Ngân	
16	11B6	48	Phạm Thị Hương	
17	11B7	50	Vũ Quốc Mạnh	
18	11B8	48	Trần Công Vũ	
19	11B9	34	Đào Văn Chính	
20	11B10	35	Nguyễn Thị Minh	
21	12A1	46	Phạm Trung Kiên	
22	12A2	47	Nguyễn Văn Tiến	
23	12A3	44	Vũ Phú Bình	
24	12A4	45	Trần Thị Thúy Hà	
25	12A5	45	Phạm Thị Minh Hương	
26	12A6	44	Phạm Thị Thanh	
27	12A7	45	Vũ Thị Thêm	
28	12A8	45	Vũ Đức Hóa	
29	12A9	41	Nguyễn Thị Nguyên	
30	12A10	37	Phạm Thị Thu Hà	
31	12A11	43	Bùi Thị Chiên	